**Biểu mẫu số 11**

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CỦA DỰ ÁN**

Kỳ báo cáo: Ngay sau khi phát sinh giao dịch; Quý

1. Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư dự án bất động sản

2. Đơn vị tiếp nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I** | **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN** |   |
| 1 | Tên chủ đầu tư:……………………… |   |
| 2 | Mã số thuế:……………… |   |
| 3 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:……………… |   |
| 4 | Địa điểm thực hiện dự án:………………. |   |
| 5 | Quy mô dự án (ha):…………………. |   |
| 6 | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng):…………………. |   |
| 7 | Thời hạn hoạt động của dự án:……….năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. |   |
| 8 | Tiến độ dự án được duyệt (từ ... đến ...) |   |
| **II** | **THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN (các tài liệu được gửi kèm theo định dạng \*.pdf)** |   |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư dự án bất động sản |   |
| 2 | Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |   |
| 3 | Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng của dự án được phê duyệt |   |
| 4 | Hợp đồng mẫu được sử dụng để ký kết trong giao dịch kinh doanh bất động sản |   |
| **III** | **THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI**(các tài liệu được gửi kèm theo định dạng \*.pdf) |   |
| 1 | Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |   |
| 2 | Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng |   |
| 3 | Thông báo khởi công xây dựng công trình |   |
| 4 | Giấy tờ về nghiệm thu việc đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo tiến độ dự án |   |
| 5 | Giấy tờ chứng minh đã được nghiệm thu hoàn thành xây dựng phần móng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có nhà ở |   |
| 6 | Giấy tờ về quyền sử dụng đất (Có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất) |   |
|   | - Quyết định giao đất |   |
| - Quyết định cho thuê đất và hợp đồng về cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai |   |
| - Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất |   |
| - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |   |
| - Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở |   |
| - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |   |
| - Giấy chứng nhận khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai |   |
| 7 | Văn bản cam kết phát hành bảo lãnh quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Kinh doanh bất động sản của ngân hàng thương mại trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam |   |
| 8 | Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua |   |
| 9 | Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có) |   |
| 10 | Việc thế chấp nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh |   |
| 11 | Thông tin về phần diện tích sử dụng chung đối với bất động sản là nhà chung cư, công trình xây dựng, tòa nhà hỗn hợp nhiều mục đích sử dụng |   |
| **IV** | **THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CÓ SẴN (các tài liệu được gửi kèm theo định dạng \*.pdf)** |   |
| 1 | Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở |   |
|   | Hoặc: |   |
|   | - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |   |
| - Giấy chứng nhận khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |   |
| - Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở |   |
| - Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng |   |
| 2 | Các thông tin khác |   |
|   | - Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có) |   |
| - Việc thế chấp nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh |   |
| **V** | **THÔNG TIN VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN (các tài liệu được gửi kèm theo định dạng \*.pdf)** |   |
| 1 | Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã có hạ tầng kỹ thuật |   |
| 2 | Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện được chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở |   |
| 3 | Giấy tờ về việc hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, theo tiến độ dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt |   |
| 4 | Giấy tờ về việc chủ đầu tư dự án đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan) |   |
| 5 | Các thông tin khác |   |
|   | - Các hạn chế về quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản (nếu có) |   |
| - Việc thế chấp quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh |   |
| **VI** | **LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP** |   |
| 1 | Doanh nghiệp Việt Nam |   |
| 2 | Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |   |
| **VII** | **BẤT ĐỘNG SẢN GIAO DỊCH TRONG KỲ** |   |
| **STT** | **Loại hình bất động sản** | **Thông tin về hợp đồng bán** | **Bán** | **Cho thuê** | **Tồn kho bất động sản**(Lũy kế bất động sản còn lại chưa giao dịch trong kỳ báo cáo) | **Số lượng đã được cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**(căn, lô, phòng) |   |
| **Số, ký hiệu hợp đồng mua bán/ cho thuê** | **Tên tổ chức, cá nhân bên mua/ bên thuê** | **Số căn cước** | **Số lượng**(căn, lô, phòng) | **Diện tích**(m2) | **Giá bán bất động sản/ m2**(triệu đồng) | **Giá trị hợp đồng mua, bán**(không bao gồm thuế, phí chuyển nhượng) | **Số lượng**(căn, lô, phòng) | **Diện tích**(m2) | **Giá thuê bất động sản/ m2**(triệu đồng) | **Giá trị hợp đồng thuê**(không bao gồm thuế, phí chuyển nhượng) |   |
| **Số lượng**(căn, lô, phòng) | **Diện tích**(m2) |   |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(7) x(8) | (10) | (11) | (12) | (13)=(11) x(12) | (14) | (15) | (16) |   |
| **1** | **BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **1.1** | **NHÀ Ở THƯƠNG MẠI** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1.1 | Nhà ở (Biệt thự, liền kề và nhà ở độc lập) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1.2 | Chung cư |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1.3 | Đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản cho cá nhân tự xây dựng nhà ở (theo hình thức phân lô, bán nền) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **1.2** | **NHÀ Ở XÃ HỘI** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2.1 | Nhà ở riêng lẻ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2.2 | Chung cư |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **1.3** | **NHÀ Ở CÔNG NHÂN TẠI KHU CÔNG NGHIỆP** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  | Chung cư |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** | **CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, VĂN PHÒNG, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.1 | Văn phòng |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.2 | Trung tâm thương mại |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.3 | Văn phòng kết hợp lưu trú |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.4 | Căn hộ lưu trú |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **3** | **BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.1 | Biệt thự du lịch |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.2 | Căn hộ du lịch |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **4** | **BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.1 | Nhà xưởng sản xuất |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.2 | Đất *(dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh tại khu công nghiệp).* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **5** | **CÁC LOẠI HÌNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÁC** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.1 | Công trình y tế |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.2 | Công trình giáo dục |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.3 | Công trình văn hóa |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.4 | Công trình thể dục thể thao |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.5 | Công trình dịch vụ công cộng |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

***Ghi chú:*** Đối với dự án bất động sản đã thực hiện trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn còn tồn kho bất động sản (bất động sản đủ điều kiện đưa vào giao dịch nhưng chưa thực hiện giao dịch) thì thông tin, dữ liệu kê khai lần đầu được tổng hợp từ thời điểm dự án có bất động sản đủ điều kiện giao dịch đến thời điểm của kỳ báo cáo và thực hiện nhập số liệu tại các cột (6), (7), (8), (10), (11), (12) của Biểu mẫu.

|  |  |
| --- | --- |
| Cột số 5: | - Điền số của thẻ căn cước/số căn cước điện tử/giấy chứng nhận căn cước/số căn cước công dân/số chứng minh nhân dân.- Đối với tổ chức: điền thông tin căn cước của người đại diện theo pháp luật. |